

Bản án số: 97/2024/HS-ST
Ngày 30-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Nguyễn Minh Toàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 94/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/HSST-QĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 06/TB-TA ngày 18 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Chí T, sinh ngày 30 tháng 6 năm 1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số E L, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh N; có vợ là Trần Thị Thùy L1 và 02 con; tiền án: Bản án số 32/2023/HSST ngày 30/3/2023 Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 60 tháng (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 28/2011/HSST ngày 19/04/2011 Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” (đã xóa án tích); Bản án số 50/2011/HSST ngày 15/6/2011 Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, 30 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, cộng cả hai tội là 60 tháng tù; Tổng hợp hình phạt của bản án số 28/2011/HSST ngày 19/04/2011 và bản án số 50/2011/HSST ngày 15/6/2011, Nguyễn Chí T phải chấp hành hình phạt

chung là 90 tháng tù (đặc xá ngày 31/08/2015, đã xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 05/01/2024 đến ngày 13/01/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị Minh P sinh năm 1983; nơi cư trú: số A N, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1983, nơi cư trú: số A N, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Chí T. Do cần tiền làm ăn nên chị P nhiều lần hỏi T để vay tiền và trả lãi. T đồng ý và thỏa thuận về số tiền lãi phải thu của chị P, chị P đồng ý, sau đó T chuyển tiền cho chị P vay.

T sử dụng tài khoản số 0868866539 đăng ký tại Ngân hàng M để chuyển tiền sang tài khoản của chị P số 63170001413 đăng ký tại Ngân hàng S. Chị P dùng tài khoản số 31700014131624 đăng ký tại Ngân hàng S và tài khoản số 68010766990 đăng ký tại Ngân hàng T1 chuyển khoản tiền lãi vào tài khoản số 0868866539 đăng ký tại Ngân hàng M cho T.

Đến ngày thu lãi, T nhắc chị P lịch trả. Với cách thức như trên, từ ngày 23/4/2023 đến ngày 20/5/2023, T cho chị P vay tổng cộng 30.000.000 đồng và hưởng tiền lãi hàng tháng; cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 23/4/2023, chị P vay T số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 6.000 đồng/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất 220,7 %/năm, 03 ngày chị P trả lãi một lần với số tiền 360.000 đồng. Tính đến ngày 05/01/2024, chị P vay của T 256 ngày, lãi đã thu 30.960.000 đồng, lãi hợp pháp 2.805.479 đồng, T thu lời bất chính số tiền 28.154.521 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 20/5/2023, chị P vay T số tiền 10.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 6.000 đồng/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất 220,9 %/năm, 03 ngày chị P trả lãi một lần với số tiền 180.000 đồng. Tính đến ngày 05/01/2024, chị P vay của T 229 ngày, lãi đã thu 13.860.000 đồng, lãi hợp pháp 1.254.795 đồng, T thu lời bất chính số tiền 12.605.205 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Chí T khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng như nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKS-HB ngày 07/6/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố Nguyễn Chí T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Bị cáo [Nguyễn Chí T](#) khai nhận hành vi vi phạm như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo có thái độ thành khẩn, ăn năn về hành vi vi phạm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án vắng mặt nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án và được công bố công khai tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Hình phạt chính là phạt tiền bị cáo [Nguyễn Chí T](#) với số tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Bị cáo [T](#) đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng trước khi xét xử tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bị cáo [T](#) còn phải nộp tiếp số tiền phạt của hình phạt chính là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách của Bản án số 32/2023/HSST ngày 30/3/2023 Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo [T](#) phải chấp hành hình phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo chuyển thành 36 tháng tù giam của bản án số 32/2023/HSST ngày 30/3/2023 theo khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự và áp dụng với hình phạt của lần phạm tội mới. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo [Nguyễn Chí T](#) đi chấp hành án. Trừ cho bị cáo số ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2022 đến ngày 28/6/2022 của Bản án số 32/2023/HSST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và số ngày tạm giữ của lần phạm tội mới, từ ngày 05/01/2024 đến ngày 13/01/2024. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với [Nguyễn Chí T](#) cho đến khi bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng của bị cáo [T](#), có số IMEI 1: 351330886188578, số IMEI 2: 351330886051172.

- Buộc bị cáo [T](#) phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 4.060.274 đồng. Bị cáo [T](#) đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền số 0002669 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Buộc bị cáo [T](#) phải trả lại chị [Nguyễn Thị Minh P](#) số tiền 40.759.726 đồng.

- Buộc chị [Nguyễn Thị Minh P](#) phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền là 30.000.000 đồng.

- Bị cáo, người có liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên; bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, tạo điều kiện để bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an quận H](#), Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị [Nguyễn Thị Minh P](#) vắng mặt. Xét thấy, người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; tại phiên tòa, bị cáo, Kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ vì trước đó họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nêu trên.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[3] Về tội danh, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2023, bị cáo [Nguyễn Chí T](#) đã có hành vi cho chị [Phạm Thị Minh P1](#) vay nhiều lần với tổng số tiền vay 30.000.000 đồng, mức lãi suất của các lần vay thấp nhất là 220,7%/năm và cao nhất là 220,9%/năm (cao gấp từ 11,035 lần đến 11,045 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/năm). Chị [P1](#) chưa trả [T](#) số tiền gốc. [Nguyễn Chí T](#) đã thu tổng số tiền lãi là 44.820.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/năm, tương đương với số tiền 4.060.274 đồng và số tiền thu lời không hợp pháp là 40.759.726 đồng.

[3.1] Theo quy định về “Lãi suất” tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho phép các bên thỏa thuận về lãi suất nhưng không được vượt quá 20%/năm của

khoản tiền vay. Như vậy, trong tổng số tiền lãi 44.820.000 đồng thì có 20% lãi suất hợp pháp. Bởi vậy, cần phải trừ đi số tiền lãi, tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng). Số tiền lãi còn lại được xác định là thu lợi bất chính để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Cụ thể:

Tiền lãi bị cáo nhận của chị [P1](#) lần thứ nhất là 30.960.000 đồng. Tính đến ngày 05/01/2024, chị [P1](#) đã vay Thành 256 ngày, lãi suất 6.000đồng/triệu/ngày (tương đương 220,7%/năm). Khoản tiền tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/năm là: $20\% \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 256 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 2.805.479 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính được xác định là: 30.960.000 đồng - 2.805.479 đồng = 28.154.521 đồng.

Tiền lãi bị cáo nhận của chị [P1](#) lần thứ hai là 13.860.000 đồng. Tính đến ngày 05/01/2024, chị [P1](#) đã vay Thành 229 ngày, lãi suất 6.000đồng/triệu/ngày (tương đương 220,9%/năm). Khoản tiền tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/năm là: $20\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 229 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 1.254.795 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính được xác định là: 13.860.000 đồng - 1.254.795 đồng = 12.605.205 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính qua việc cho chị [P1](#) vay là: 28.154.521 đồng + 12.605.205 đồng = 40.759.726 đồng.

[3.2] Từ những căn cứ trên, có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của [Nguyễn Chí T](#) đã đủ yếu tố cấu thành phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tổng số tiền bị cáo [T](#) thu lợi bất chính là 40.6759.726 đồng nên bị cáo [T](#) phải chịu tình tiết định khung hình phạt “Phạm tội mà thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Kiểm sát viên kết luận tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi quá cao, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Do đó, phải xem xét xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[5] Bị cáo [Nguyễn Chí T](#) có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” bị xét xử năm 2023, chưa xóa án tích. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Trước khi xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 4.060.274 đồng là tiền lãi từ việc phạm tội và số tiền 10.000.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

[7] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mục đích của hình phạt, nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội. Xét bị cáo cho chị [P1](#) vay tiền với mức lãi suất cao để thu lời bất chính trong khoảng thời gian không dài (01 tháng). Việc cho vay và vay giữa bị cáo và người vay là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, bản thân bị cáo không biết việc cho vay với lãi suất cao là vi phạm pháp luật. Mặt khác, do bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách nên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo bị chuyển thành hình phạt tù giam. Do đó, để đảm bảo việc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án theo quy định, Hội đồng xét xử cần áp hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đủ tính nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[9] Do bị cáo [T](#) thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách của Bản án số 32/2023/HSST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng nên căn cứ vào khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử buộc bị cáo [T](#) phải chấp hành hình phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo chuyển thành 36 tháng tù giam về tội “Đánh bạc” Bản án số 32/2023/HSST ngày 30/3/2023 Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và buộc phải áp dụng với hình phạt của lần phạm tội mới theo quy định của pháp luật.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

[10] Về vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng của [Nguyễn Chí T](#), có số IMEI1: 351330886188578, số IMEI 2: 351330886051172.

[11] Về thu lợi bất chính: Về nguyên tắc, tiền bị cáo thu lợi từ việc phạm tội phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, đối với đặc thù của loại tội phạm này do xuất phát từ giao dịch dân sự, người vay tiền của bị cáo với mục đích phục vụ sinh hoạt, phục vụ cuộc sống hàng ngày, người vay đã phải chịu lãi nặng. Vì vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người vay cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi đã thu từ mức lãi suất 21% đến 108%; cụ thể: Bị cáo phải trả lại chị [Nguyễn Thị Minh P](#) số tiền 40.759.726 đồng.

[12] Đối với khoản tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo nhận từ chị [P](#) tương đương với số tiền 4.060.274 đồng, khoản tiền lãi này không tính vào khối lượng buộc tội bị cáo. Xét, đây là tiền lãi từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[13] Đối với số tiền gốc bị cáo đã cho vay: Đây là tiền bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Vì vậy,

đối với số tiền gốc 30.000.000 đồng chị [P](#) vay chưa trả gốc, về nguyên tắc, chị [P](#) phải trả bị cáo theo giao dịch dân sự. Tuy nhiên, xác định đây là tiền bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm nên không buộc chị [P](#) phải trả lại số tiền đó cho bị cáo mà buộc chị [P](#) phải nộp số tiền 30.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bởi vì bản chất đây là số tiền thu lời bất chính, không phải tiền bồi thường dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Chí T](#) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Hình phạt chính là phạt tiền bị cáo [Nguyễn Chí T](#) với số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo [Nguyễn Chí T](#) đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng trước khi xét xử để đảm bảo việc thi hành án theo Biên lai thu tiền số 0002670 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bị cáo [Nguyễn Chí T](#) còn phải nộp tiếp số tiền phạt của hình phạt chính là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ vào khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo [Nguyễn Chí T](#) phải chấp hành hình phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo chuyển thành 36 (ba mươi sáu) tháng tù giam về tội “Đánh bạc” của Bản án số 32/2023/HSST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo [Nguyễn Chí T](#) đi chấp hành án. Trừ cho bị cáo số ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2022 đến ngày 28/6/2022 của Bản án số 32/2023/HSST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và số ngày tạm giữ của lần phạm tội mới, từ ngày 05/01/2024 đến ngày 13/01/2024.

3. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 45; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với [Nguyễn Chí T](#) cho đến khi bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng của [Nguyễn Chí T](#), có số IMEI 1: 351330886188578, số IMEI 2: 351330886051172.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận giữa [Công an quận H](#) và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng ngày 12/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng)

5. Buộc bị cáo [Nguyễn Chí T](#) phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền là 4.060.274 (bốn triệu, không trăm, sáu mươi nghìn, hai trăm bảy mươi bốn) đồng. Bị cáo [Nguyễn Chí T](#) đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền số 0002669 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

6. Buộc bị cáo [Nguyễn Chí T](#) phải trả lại chị [Nguyễn Thị Minh P](#) số tiền là 40.759.726 (bốn mươi triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng.

7. Buộc chị [Nguyễn Thị Minh P](#) phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

8. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo [Nguyễn Chí T](#) phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt) có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 27 Công an TP. Hải Phòng;
- Trại tạm giam Hải Phòng;
- CA quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Người có liên quan đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến

